

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 02/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2018 giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị T H – sinh năm: 1986
Địa chỉ: Số 1168, Nguyễn Du, phường 5, Tp.M, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Anh Phạm D T – sinh năm: 1987
Địa chỉ: Số 500, Nguyễn Ngọc Sanh, khóm 8, phường 6, Tp.M, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Nguyễn T B – sinh năm: 1954 và bà Chu T N – sinh năm: 1958
Cùng địa chỉ: Số 158, Quang Trung, phường 5, Tp.M, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của bà N: Ông Nguyễn T B; Trú tại: Số 158, Quang Trung, phường 5, Tp.M, tỉnh Cà Mau là người đại diện theo theo uỷ quyền của bà N, giấy uỷ quyền ngày 03/3/2018.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 3 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 3 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Chị **Nguyễn Thị T H** với anh **Phạm D T** và ông **Nguyễn T B** cùng bà **Chu T N** trong vụ án HNGĐ xin ly hôn, chia tài sản và nợ.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Công nhận cho chị **Nguyễn Thị T H** và anh **Phạm D T** được thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chưa có.
- Về tài sản chung: Chị H và anh T đã tự thỏa thuận xong không yêu cầu Toà án giải quyết.
- Về nợ chung: Chị H anh T ông B thừa nhận chị H anh T có nợ cha mẹ vợ là ông B bà N số tiền 1.600.000.000đ, các bên đã tự thương lượng giải quyết xong về nghĩa vụ trả nợ cho ông B bà N nên không yêu cầu Toà án xem xét trong vụ án này.

Về án phí HNGĐ: 150.000đ chị H nhận nộp, ngày 02/01/2018 chị đã dự nộp 300.000đ tại biên lai số 0169, chị được nhận lại 150.000đ khi quyết định có hiệu lực.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đã ký

Ninh Quang Thế